

## Di động xã hội của cộng đồng khoa học và công nghệ Quảng Ngãi trong thời kỳ đổi mới

VÕ TUẤN NHÂN

Quảng Ngãi là một tỉnh nằm ở trung độ của đất nước, trong vùng trọng điểm kinh tế miền Trung, có diện tích tự nhiên 5.129,11km<sup>2</sup>; dân số 1,257 triệu người, chiếm 1,76% diện tích và 1,6% dân số cả nước. Về hành chính, Quảng Ngãi hiện có: 1 thị xã, 6 huyện đồng bằng, 5 huyện miền núi và 1 huyện đảo; có bờ biển dài 129km. Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam, phía Nam giáp Bình Định, phía Tây giáp tỉnh Kon Tum, phía Đông giáp biển Đông.

Trong thời kỳ đổi mới, đặc biệt là sau khi tách tỉnh (1990) đến nay cùng với sự phát triển chung của cả nước, cơ cấu kinh tế của Quảng Ngãi đã có những thay đổi theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng công nghiệp-dịch vụ, thể hiện qua bảng sau:

GDP theo cơ cấu ngành (%)

Năm	Ngành	Nông - Lâm nghiệp - Thủy sản	Công nghiệp - Giao thông - Xây dựng	Dịch vụ
	1990		55,68	16,52
1999		44	20	36

(Nguồn: Cục thống kê Quảng Ngãi)

Trong những năm gần đây (1994 - 1999), sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định xây dựng nhà máy lọc dầu số 1, phê duyệt quy hoạch chung khu công nghiệp Dung Quất-khu công nghiệp lớn của đất nước và quy hoạch khu kinh tế trọng điểm miền Trung-bức tranh kinh tế-xã hội Quảng Ngãi đã bắt đầu có những chuyển biến tích cực.

Trong thời kỳ đổi mới, hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi có những bước phát triển mới cả về số lượng cũng như chất lượng nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống. Bên cạnh đó đã xuất hiện sự *di động xã hội của cộng đồng khoa học và công nghệ* <sup>(1)</sup> theo các chiều hướng khác nhau. Sự thăng tiến, giảm sút xã

<sup>(1)</sup> Thuật ngữ di động xã hội mà các nhà nghiên cứu dùng hiện nay tương đương với từ tiếng Anh "Social mobility", có nhiều cách gọi khác nhau: di chuyển xã hội, hay tính cơ động xã hội. Tuy nhiên tên gọi này đều chung một nội hàm: là sự vận động của cá nhân hay nhóm từ địa vị xã hội này sang địa vị xã hội khác. Chúng ta biết rằng vị thế xã hội, sự phân lớp trong xã hội và những địa vị trên thang xã hội đều cao hơn hay thấp hơn cái nọ so với cái kia. Sự lên xuống trong những địa vị ấy được gọi là di động xã hội. Trong Dictionary of Sociology của Nhà xuất bản Penguin (xuất bản lần thứ 2). 1988, "Social mobility" được định nghĩa là: "Một khái niệm được sử dụng trong nghiên cứu xã hội học về sự bất bình đẳng, tính cơ động xã hội nói lên sự di động của các cá nhân giữa các bậc thang khác nhau trong hệ thống phân cấp xã hội, thường được xác định bằng công việc".

Cộng đồng khoa học và công nghệ ở đây được hiểu là một tập thể những người làm khoa học và công nghệ (trong bài viết này được xem xét cả công nhân lành nghề bậc 4 trở lên) của tính cố kết chặt chẽ với nhau về lợi ích, tổ chức, thiết chế và hoạt động.

hội của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, việc đánh giá, sử dụng cán bộ... có những bất cập đã dẫn đến những khó khăn nhất định cho việc quy hoạch đội ngũ, xây dựng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong những điều kiện như vậy, việc nhận diện thực trạng, nguyên nhân sự di động xã hội của cộng đồng khoa học và công nghệ đã trở thành yêu cầu quan trọng và cấp thiết.

Bài viết này dựa trên kết quả nghiên cứu, tổng hợp nhiều nguồn tư liệu khác nhau trong đó có cuộc điều tra xã hội học với số lượng mẫu 300 bảng hỏi, phỏng vấn sâu 46 trường hợp, tiến hành 7 cuộc thảo luận nhóm tập trung để đi tới những nhận định về sự di động xã hội của cộng đồng khoa học và công nghệ trong thời kỳ đổi mới ở Quảng Ngãi.

### **1. Sự chuyển biến về số lượng**

Trước khi tách tỉnh (đầu năm 1989), đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi có 8.651 người (4.334 nữ). Trong đó những người có trình độ đại học là 974, cao đẳng 3.342, trung cấp 4.040, công nhân bậc cao 295 người. Năm 1990, sau khi tách tỉnh, đội ngũ khoa học và công nghệ có đến 14.999 người, tăng hơn so với trước khi tách tỉnh 6.348 người (73,4%). Sau 5 năm, năm 1995 toàn tỉnh có 17.576 người, tăng 2.577 người (16,8%). Đội ngũ khoa học và công nghệ của tỉnh bình quân trên 1.000 dân chiếm tỷ lệ thấp, chỉ có 1,52% trong cộng đồng dân cư Quảng Ngãi. Tỷ lệ này còn thấp hơn nhiều so với tỷ lệ trung bình của cả nước (2,1%).

Theo số liệu mới nhất, từ kết quả điều tra dân số ngày 1/4/1999, lực lượng khoa học công nghệ của tỉnh có trình độ từ cao đẳng trở lên đã tăng lên rất nhiều so với năm 1995. Tổng số có trình độ cao đẳng trở lên trong toàn tỉnh là 13.292 người (trong đó có 7.834 nam, chiếm 58,9%; 5.458 nữ, chiếm 41,1%).

Như vậy, trong vòng 5 năm (1995-1999) lực lượng cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ từ cao đẳng trở lên tăng từ 7.634 người lên 13.292 người, tăng 5.658 người (74,1%). Trình độ đại học từ 3.397 người lên 7.157 người, tăng hơn 2 lần (110%). Trình độ cao đẳng, năm 1995 có 4.237 người thì đến nay đã có 6.028 người, tăng 1.791 người (42,8%).

Trong đó, trình độ Tiến sĩ khoa học, Tiến sĩ vốn đã ít (7 người), không những không được tăng thêm mà còn có sự di chuyển: 3 người chuyển lên cơ quan Trung ương, 2 người về hưu; chỉ còn 2 người đang công tác trong các cơ quan của tỉnh. Trình độ Thạc sĩ có 62 người (năm 1995) đến nay có 78 người. Đa số là giáo viên trong các trường cao đẳng và trung học chuyên nghiệp.

Lực lượng cán bộ khoa học và công nghệ của tỉnh hiện nay phân bố không đều giữa các vùng, tập trung chủ yếu ở thị xã và các huyện đồng bằng, có 12.256 người, chiếm 92,9% tổng số. Trong khi đó, ở miền núi và hải đảo rộng lớn chỉ có 933 người, chiếm 7,1%. Cơ cấu về dân tộc còn nhiều bất cập trong cộng đồng khoa học và công nghệ: người Kinh có 13.154 người, chiếm 99% tổng số cán bộ có trình độ cao đẳng trở lên; các dân tộc ít người chỉ có 138 người (1%).

Về thành phần kinh tế, khu vực Nhà nước có 12.213 người (84,4%); tập thể có 117 người (0,9%), tư nhân và cá thể có 408 người (3,1%); còn lại thuộc các thành phần kinh tế hỗn hợp khác. Song song với sự lớn mạnh về số lượng của cộng đồng khoa học và công nghệ tỉnh thì trong quá trình phát triển hiện nay cũng đang gặp phải sự hạn chế, cả về chủ quan và khách quan, đã và đang trở thành thách thức to lớn đối với việc hoàn thiện đội ngũ khoa học và công nghệ tỉnh nói riêng, cho quá trình đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói chung.

## 2. Di động xã hội theo lĩnh vực hoạt động

Kết quả điều tra cho thấy, từ năm 1986 đến nay có 4,17% cán bộ khoa học và công nghệ được hỏi có sự chuyển đổi từ ngành này sang ngành khác. Số người di chuyển chủ yếu là nữ, chiếm 87,53%. Nguyên nhân di chuyển là vì nơi làm mới phù hợp hơn chiếm tỷ lệ cao nhất (43,1%), sau đó đến các nguyên nhân khác như có điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn, gần nhà... Di động theo các lĩnh vực hoạt động khác nhau từ nông-lâm-ngư nghiệp chuyển sang ngành công nghiệp-xây dựng-giao thông và ngược lại diễn ra không nhiều trong cộng đồng khoa học và công nghệ. Lý do là các ngành có những đặc điểm chuyên môn khác nhau và cơ chế ràng buộc khó di chuyển. Tuy vậy, lĩnh vực nông-lâm-ngư nghiệp là nhóm ngành có số người chuyển sang ngành khác nhiều hơn cả. Khoa học xã hội là nhóm ngành có khả năng thu hút lớn nhất cán bộ làm khoa học-công nghệ từ các ngành khác.

Di động giữa các lĩnh vực khác nhau xảy ra không nhiều nhưng di chuyển nơi làm việc trong nội bộ ngành hay giữa doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp tư nhân lại diễn ra tương đối nhiều. Lý do di chuyển là tìm sự phù hợp với công việc, với chuyên môn và *lý do căn bản hơn là tìm nơi có thu nhập cao hơn*. Trong cộng đồng khoa học và công nghệ tỉnh từ 1986 đến nay, 32,7% cán bộ khoa học và công nghệ được hỏi có sự chuyển nơi làm việc nhưng vẫn trong nội bộ ngành, trong đó 73,5% là nam giới, còn lại là nữ giới. Khả năng di chuyển trong nội bộ ngành những năm tới đây sẽ tiếp tục gia tăng và chủ yếu vẫn là nam giới vì họ có những lợi thế nhất định trong việc di chuyển. Thực ra, di động của những người làm khoa học và công nghệ trong nội bộ ngành mang ý nghĩa hai mặt. Một mặt, nó mở ra cho những người làm khoa học và công nghệ khả năng tìm kiếm những vị trí thích hợp với chuyên môn, năng lực của mình. Song mặt khác, tỷ lệ những người di chuyển tăng cao sẽ chứng tỏ sự chưa ổn định của từng ngành, đồng thời những người làm khoa học và công nghệ có điều kiện tập trung vào một chuyên môn sâu, thiếu tích lũy lợi thế khoa học-công nghệ, về thâm niên nghiên cứu-ứng dụng khoa học công nghệ.

## 3. Hiện tượng đa vị thế việc làm, nghề nghiệp

Đa vị thế nghề nghiệp được hiểu theo cả hai nghĩa gắn liền với sự phát triển kinh tế-xã hội. Nghĩa thứ nhất, đó là tình trạng hiện nay một người có thể ***làm nhiều công việc***, làm nhiều nghề trong cùng một khoảng thời gian. Nghĩa thứ hai gắn liền với sự thay đổi nơi làm việc. Một người trong một khoảng thời gian có thể chuyển đi *nhiều cơ quan* vì nhiều lý do khác nhau. Hiện tượng đa vị thế việc làm, nghề nghiệp bắt đầu tăng lên vài năm nay tại Quảng Ngãi và đang dần trở thành xu thế, nhưng mới chỉ dừng lại ở tình trạng một người đảm nhận một lúc nhiều công việc khác nhau, chứ chưa phải là trong một khoảng thời gian người làm khoa học-công nghệ di chuyển nhiều cơ quan khác nhau. Kết quả điều tra cho thấy, hiện nay có 17,21% những người làm khoa học, công nghệ làm thêm ngành nghề khác ngoài ngành nghề chính, 9,75% làm thêm việc cùng ngành nghề, chuyên môn chính của họ.

Một số cán bộ khoa học và công nghệ có đa vị thế việc làm, nghề nghiệp do vừa làm trong các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước, vừa làm cho các doanh nghiệp tư nhân. Theo kết quả điều tra, đã có 3,55% số người trả lời họ vừa làm cho các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước, vừa làm cho các doanh nghiệp tư nhân. Kết quả nghiên cứu định lượng khẳng định thêm thế ứng xử của những người làm khoa học và công nghệ của tỉnh với doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp tư nhân: 87,51% những người có làm cho doanh nghiệp tư nhân trả lời rằng

làm cho doanh nghiệp tư nhân có thu nhập cao hơn, nhưng 91,40% những người này lại định hướng con cái của họ làm cho các doanh nghiệp Nhà nước. Như vậy, nguyện vọng của họ luôn muốn làm cho doanh nghiệp Nhà nước, nhưng để giải quyết đời sống và thu nhập trước mắt nên họ vẫn chấp nhận làm cho doanh nghiệp tư nhân.

Đa vị thế việc làm, nghề nghiệp là một xu thế phổ biến ở những nơi có điều kiện phát triển kinh tế-xã hội và khoa học-công nghệ. Thực chất nó tạo ra tích lũy lợi thế khoa học cho những người làm khoa học và công nghệ, vì họ có điều kiện làm việc nhiều hơn, hiệu quả hơn và quan trọng hơn là xu thế này được khuyến khích bởi sự đảm bảo đời sống, thu nhập cho người làm khoa học công nghệ.

#### **4. Di động dọc và sự phân tầng mức sống**

Thay đổi địa vị những người làm khoa học và công nghệ là quá trình tăng trưởng hay không tăng trưởng về vị trí công tác trong cơ quan, về trình độ chuyên môn, tay nghề ... thì ở Quảng Ngãi, vấn đề này diễn ra rất chậm chạp. Các vị trí công tác gần như cố định, ít có cơ hội thay đổi. Những người có cơ hội đào tạo nâng cao chuyên môn cũng rất hạn chế, trong khi đó tự đào tạo thì không có điều kiện về cơ chế, về thông tin. Từ năm 1990 đến nay, 74,7% những người làm khoa học và công nghệ được hỏi đã tự đánh giá địa vị của họ trong thời gian gần đây ở tình trạng bình thường; 4,0% cho rằng có sự giảm sút về địa vị; chỉ có 21,3% tự đánh giá mình có sự thăng tiến về địa vị. Những kết quả nghiên cứu định tính cũng cho thấy, sự thăng tiến của những người làm khoa học và công nghệ thời gian qua là không nhiều và đa số giữ nguyên ở địa vị đã có.

Muốn đào tạo, nâng cao tay nghề hoặc kiến thức chuyên môn thì hiện nay tại Quảng Ngãi không đáp ứng được. Quảng Ngãi chưa có trường đại học, chưa có những ngành đào tạo mới có thể đáp ứng được nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn của những người làm khoa học và công nghệ. Hơn nữa, đời sống còn khó khăn, muốn được đào tạo nâng cao trình độ thật sự thì phải đi học ở xa, phụ cấp không đủ trang trải nên bản thân những người làm khoa học và công nghệ "đành phải hạn chế nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn".

Di động dọc có liên quan chặt chẽ đến phân tầng mức sống, đến địa vị và quyền lực. Theo kết quả điều tra chọn mẫu, có 21,3% số người được hỏi trả lời trong những năm qua họ có sự thay đổi địa vị xã hội theo hướng đi lên. 73,09% trong số đó cho biết đời sống kinh tế của họ tăng trưởng khá hơn trước. Lấy tương quan số liệu của 21,3% những người thăng tiến với thu nhập bình quân đầu người và tổng thu nhập của toàn bộ mẫu điều tra ta thấy, mặc dù những người thăng tiến này không thuộc nhóm có thu nhập cao nhất, nhưng chỉ với 21,3% số người này đã chiếm tới 31,1% tổng thu nhập của toàn bộ mẫu điều tra, trong khi đó 4% những người có địa vị xã hội đi xuống chỉ chiếm 1,97% tổng thu nhập của toàn bộ mẫu điều tra. Cũng trong phân bố thu nhập, giới hạn thu nhập thấp nhất, của 21,3% những người di động xã hội đi lên là 800.000đ/tháng/người trở lên, trong khi đó, giới hạn cao nhất của những người di động đi xuống chỉ là 550.000đ/người/tháng. Như vậy ta thấy rằng, cho dù trong một cộng đồng lớn hay một cộng đồng nhỏ, di động xã hội theo chiều dọc bao giờ cũng liên quan chặt chẽ đến phân tầng mức sống cũng như địa vị và quyền lực. Thế nhưng, các nghiên cứu định tính cũng cho thấy rằng, ở Quảng Ngãi sự phân tầng mức sống trong cộng đồng khoa học và công nghệ chưa rõ nét. Những người có học vị cao chưa có thu nhập tương ứng. Phần thưởng,

thu nhập qua hoạt động khoa học và công nghệ còn rất thấp và ở phạm vi hẹp, chưa tạo ra động lực thúc đẩy kinh tế-xã hội phát triển.

### 5. Di động trong và giữa các thế hệ

Từ các ý kiến trả lời, có thể nhận định khái quát rằng, số khá đông trong đội ngũ cán bộ khoa học-công nghệ kế cận hoàn toàn có thể thay thế được thế hệ những người làm khoa học và công nghệ trước đây cũng như số người đang chuẩn bị về hưu. Thế hệ những người làm khoa học và công nghệ trẻ của tỉnh hiện nay phần đông được đào tạo bài bản hơn, ít nhiều có điều kiện tiếp xúc với thực tế, nắm bắt khoa học-công nghệ hiện đại. Kết quả điều tra của đề tài cho thấy 86,7% số ý kiến trả lời cho rằng cộng đồng khoa học và công nghệ của tỉnh hiện nay có thể thay thế tốt cho những người làm khoa học và công nghệ trước đây. Chỉ có 10% cho rằng cộng đồng khoa học-công nghệ hiện nay không thay thế được và 1,3% cho rằng chỉ có thể thay thế được phần nào những người làm khoa học và công nghệ trước đây.

Các ý kiến qua thảo luận nhóm tập trung cũng có sự thống nhất rằng, nếu được sử dụng, bố trí hợp lý thì lớp trẻ sẽ đáp ứng tốt sự thay thế những người làm khoa học và công nghệ trước đây. Tuy nhiên, nếu không có những thay đổi tích cực trong quản lý cũng như sử dụng những người làm khoa học và công nghệ của tỉnh thì thế hệ những người làm khoa học và công nghệ kế tiếp sẽ gặp rất nhiều khó khăn và không phát huy được năng lực của mình; không kế thừa, phát huy được những thành tựu mà các thế hệ trước đã đạt được.

Về di động giữa các thế hệ của cộng đồng khoa học và công nghệ có hai xu hướng đã và đang tiếp tục diễn ra một cách mạnh mẽ. Một là, sự di động của con cái ra khỏi nông nghiệp và ngư nghiệp. Hai là, những người làm khoa học và công nghệ hiện nay không muốn con cái mình theo nghề mà mình đang làm và tiếp tục xu hướng thoát ly nông nghiệp và ngư nghiệp. Kết quả điều tra cho thấy một tỷ lệ rất lớn các cán bộ khoa học và công nghệ hiện nay đều có bố mẹ là nông dân, ngư dân (63,3%). Số người có bố mẹ là cán bộ chỉ chiếm 1/3 số được hỏi (31,3%). Tuy nhiên, nếu so với nghề nghiệp của thế hệ ông, bà nội của họ thì tỷ lệ này cũng đã có sự di động rất lớn. Có đến 95,2% người được hỏi có ông, bà nội là nông dân, ngư dân. Chỉ có 2,1% có ông (bà) là cán bộ. Rõ ràng từ đời ông, bà đến bản thân những người làm khoa học và công nghệ, sự tiếp nối nghề nông và ngư nghiệp giảm dần. Khi được hỏi về dự định nghề nghiệp của con cái, hơn một nửa số ý kiến trả lời (54,7%) không muốn con cái theo nghề mà họ đang làm và xu hướng thoát ly nông nghiệp và ngư nghiệp ngày càng được khẳng định. Nếu xét tiêu chí học vấn ta thấy, 82,51% những người có trình độ từ đại học trở lên đang hoạt động trong ngành nông nghiệp và ngư nghiệp không định hướng cho con cái theo nghề của mình. Đây là một chỉ báo đáng lưu ý để các cấp lãnh đạo của tỉnh suy nghĩ trong khi Quảng Ngãi vẫn chủ yếu là một tỉnh nông nghiệp, và phát triển nông nghiệp, ngư nghiệp là ưu tiên hàng đầu của tỉnh hiện nay.

### 6. Di động vào tỉnh và ra khỏi tỉnh

Sự di chuyển của những người làm khoa học và công nghệ từ các cộng đồng khác vào tỉnh Quảng Ngãi trong thời kỳ đổi mới diễn ra rất ít. Kết quả khảo sát cho thấy, 56% ý kiến cho rằng sự di động này xảy ra ít, trong đó những người có ý kiến như vậy chủ yếu có tuổi đời từ 45 trở lên (chiếm 82,1%). Những người làm khoa học và công nghệ có trình độ chuyên môn càng cao thì càng rất ít về Quảng Ngãi.

Bên cạnh hiện tượng trên thì sinh viên người Quảng Ngãi đào tạo tại các trường đại học và cao đẳng sau khi tốt nghiệp lại không có điều kiện trở về Quảng Ngãi. Nguyên nhân

do: *không có đủ việc làm (61,3%); việc làm thu nhập thấp (38,4%); không có điều kiện trường thành (31,6%)*. Hàng năm số lượng học sinh Quảng Ngãi trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề khá cao: năm 1995 là 4.126 em, năm 1996 là 5.223 em, năm 1997 là 5.902 em, năm 1998 là 5.709 em. Với lực lượng lao động khoa học-công nghệ được đào tạo này, nếu Quảng Ngãi có những điều kiện, giải quyết được việc làm cho họ thì có thể thu hút được nguồn nhân lực dồi dào, đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát triển của tỉnh.

Đội ngũ chuyên gia, cán bộ khoa học-công nghệ có học hàm, học vị cao là người Quảng Ngãi đang sinh sống ở thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh khác có số lượng rất lớn và bao gồm hầu hết các lĩnh vực chuyên môn quan trọng. Nhiều người giữ những trọng trách ở Trung ương và là cán bộ khoa học đầu ngành của Quốc gia trong nhiều lĩnh vực. Thống kê (chưa đầy đủ) danh sách những người quê Quảng Ngãi làm khoa học-công nghệ ở Hà Nội có tới 126 người có trình độ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ và chuyên viên cao cấp. Trong đó có 2 giáo sư; 11 phó giáo sư, tiến sĩ; 6 tiến sĩ khoa học, 10 phó giáo sư, tiến sĩ; 37 tiến sĩ và 60 chuyên viên cao cấp có trình độ chuyên môn sâu. Đội ngũ cán bộ khoa học-công nghệ này đều có nguyện vọng được góp phần xây dựng quê hương, đặc biệt là lĩnh vực khoa học-công nghệ chuyên sâu của mình. Thế nhưng khi đặt vấn đề về Quảng Ngãi sinh sống lâu dài để đem tài trí, năng lực của mình ra giúp tỉnh thì hầu hết đều không đồng tình. Họ chỉ muốn giúp quê hương thông qua việc làm cụ thể, trong những thời điểm cụ thể.

Khác với di động vào tỉnh, di động *ra khỏi tỉnh* của những người làm khoa học và công nghệ có xu hướng mạnh hơn và thường xuyên hơn. Kết quả khảo sát cho thấy 55,7% người được hỏi cho rằng sự di động ra khỏi cộng đồng khoa học và công nghệ ở tỉnh diễn ra nhiều và nhận định này chủ yếu là của nam giới (72%) và của những người tuổi đời từ 45 tuổi trở lên. Lý do di động ra khỏi tỉnh thì có nhiều, nhưng chủ yếu là ở những địa điểm mới có điều kiện làm việc tốt hơn (65,1%), sau đó đến phát huy được năng lực (34,6%). Qua kết quả khảo sát có thể khái quát rằng, việc di động vào tỉnh của cộng đồng khoa học và công nghệ diễn ra yếu và sự di động ra khỏi tỉnh có xu hướng diễn ra mạnh là có cùng một bản chất. Kinh tế thị trường không phải là nguyên nhân duy nhất quyết định mức độ di động ra, vào tỉnh mà các nguyên nhân quan trọng khác đó là điều kiện lao động khoa học-công nghệ, chính sách đãi ngộ cũng như việc đánh giá, nhìn nhận vai trò vị trí cộng đồng khoa học và công nghệ của các cấp lãnh đạo. Tất nhiên, bản thân những người làm khoa học và công nghệ phải tự khẳng định mình để rồi sau đó mới được khẳng định. Những người làm khoa học và công nghệ nếu đáp ứng tốt nhu cầu của sự phát triển thì khi đó vai trò và địa vị của họ sẽ được đánh giá, coi trọng đúng nghĩa của nó.

### **7. Di động xã hội theo cơ cấu**

Các hiện tượng di động xã hội đã xem xét ở trên có *biểu hiện chuyển đổi cơ cấu* khá rõ nét, thí dụ như xu hướng giảm tỷ lệ nhóm nông-lâm-ngư nghiệp và tăng nhóm công nghiệp-dịch vụ, hoặc xu hướng di động ra khỏi tỉnh áp đảo di động vào tỉnh v.v...

Di động cơ cấu có ý nghĩa quan trọng làm thay đổi số lượng cũng như chất lượng của cộng đồng khoa học và công nghệ. Trong thời kỳ đổi mới, cộng đồng khoa học và công nghệ Quảng Ngãi có sự di động cơ cấu mới, đặc biệt là từ khi Nhà nước cho khởi công xây dựng khu công nghiệp Dung Quất. Đầu tiên là sự hình thành một số định hướng ngành nghề mới. Xu hướng nhiều người nghiên cứu khoa học và công nghệ từ bỏ ngành nghề của mình và lựa chọn ngành nghề mới nhằm có được nhiều cơ hội thăng tiến hơn trong bậc thang địa vị xã hội và phù hợp với sự phát triển kinh tế-xã hội. Kết quả điều tra chọn mẫu cho thấy, trong thời gian

vừa qua, 11,87% những người được hỏi chuyển từ nghiên cứu nông nghiệp, giao thông và thủy lợi sang các ngành nghề khác, chủ yếu là sang nghiên cứu kinh tế và luật. Cùng với sự chuyển đổi hẳn sang nghề khác, nhiều người làm khoa học và công nghệ vẫn giữ nguyên nghề đã được đào tạo và đang chuẩn bị thêm một nghề mới. Hiện nay trong cộng đồng khoa học và công nghệ tỉnh, ngoài nghề nghiệp đã được đào tạo ra, 8,25% những người làm khoa học và công nghệ được hỏi đang có sự chuẩn bị thêm bằng cấp và nghề nghiệp khác, trong đó 62,41% đang chuẩn bị thêm ngoại ngữ, tin học và những người đó chủ yếu là nam giới, chiếm 81,07%.

Hiện nay đang diễn ra tình trạng tập trung đào tạo số lượng quá lớn *kỹ sư hóa dầu và Đại học ngoại ngữ*. Đối với ngành công nghiệp hóa dầu, do kỳ vọng vào Nhà máy lọc dầu số I nên nhiều gia đình đã đầu tư cho con cái mình đi học tại Quy Nhơn, Hà Nội, Vũng Tàu và tại Quảng Ngãi. Nhà máy lọc dầu và sau đó là hóa dầu cần bao nhiêu chuyên gia, kỹ sư về lĩnh vực này? Có lẽ không nhiều nhưng về chất lượng thì chắc chắn phải có tay nghề cao. Khu công nghiệp Dung Quất cũng như nhà máy lọc dầu chắc chắn cần nhiều kỹ sư ngành kỹ thuật khác và đặc biệt là công nhân có tay nghề cao. Điều này chưa có sự chuẩn bị chu đáo. Có thể nói rằng, khu công nghiệp Dung Quất đã và đang là nơi mà người dân đặt quá nhiều kỳ vọng. Cộng đồng khoa học và công nghệ đang được mở rộng rất nhiều với sự xuất hiện ngày càng nhiều hơn các kỹ sư hóa dầu, ngoại ngữ, luật, kinh tế,... Sự di động cấu trúc này sẽ làm tăng thêm chất lượng của cộng đồng khoa học và công nghệ tỉnh, đồng thời nó cũng đặt ra vấn đề việc làm và ảnh hưởng của sự thay đổi đó với sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

Cũng như tình trạng chung của cả nước, trong nghiên cứu khoa học ở Quảng Ngãi còn thiếu những chuyên gia có chuyên môn sâu (trên đại học chỉ chiếm tỷ lệ 0,18% tổng số lao động khoa học-công nghệ); trong ứng dụng, sản xuất thì lại thiếu những công nhân kỹ thuật có tay nghề cao (công nhân bậc 4 trở lên chỉ chiếm tỷ lệ 12,7% tổng số lao động khoa học-công nghệ).

Một thực trạng nữa của di động cơ cấu là hiện tượng những người làm khoa học và công nghệ *chuyển từ các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước sang làm cho các doanh nghiệp tư nhân*. Hiện tượng này chưa nhiều, nhưng đang diễn ra tại Quảng Ngãi và ngày càng thể hiện tính xu hướng rõ rệt. Đây là vấn đề tất yếu trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, có ảnh hưởng bất lợi cho các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước vì những người chuyển ra doanh nghiệp tư nhân là những người có tay nghề cao và có thâm niên công tác. Nhiều đơn vị, xí nghiệp Nhà nước trong tỉnh hiện nay đang có tình trạng "trường đại học dự bị" đào tạo người, cho đi học đại học để rồi người ta tốt nghiệp lại chuyển đi nơi khác, tỉnh khác làm ăn. Vấn đề còn lại là xem xét mối quan hệ giữa đào tạo và sử dụng. Cân đối được mối quan hệ này sẽ tạo ra sự phát triển mới, và như vậy cộng đồng khoa học và công nghệ tỉnh cũng sẽ hoạt động có hiệu quả hơn, đóng góp được nhiều hơn cho xã hội.

## 8. Kết luận và khuyến nghị

Cùng với sự hoàn thiện từng bước về nhiều mặt của cộng đồng khoa học và công nghệ, vấn đề di động xã hội của cộng đồng khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi đặt ra và có những ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ. Trong những năm qua, di động theo lĩnh vực hoạt động diễn ra không nhiều nhưng *tình trạng bố trí cán bộ trong nhiều trường hợp không thích hợp* đã làm hạn chế rất nhiều năng lực chuyên môn của những người làm khoa học và công nghệ. Bên cạnh đó sự di động trong nội bộ từng ngành, đặc biệt là *giữa doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp tư nhân* đã bắt đầu diễn ra tuy không lớn nhưng có xu hướng ngày càng gia tăng. Di động dọc diễn ra chậm và số cán bộ khoa học và công nghệ tự đánh giá mình có sự thăng tiến về địa vị trong hơn 10 năm qua chỉ

có 21,3%. Sự thăng tiến của những người làm khoa học và công nghệ thời gian qua không nhiều và *đa số vẫn giữ nguyên địa vị đã có*. Đội ngũ cán bộ kế cận của cộng đồng khoa học và công nghệ hiện nay số đông có thể thay thế được thế hệ những người làm khoa học và công nghệ trước đây cũng như đang chuẩn bị về hưu, do được đào tạo bài bản hơn, ít nhiều có điều kiện tiếp xúc với thực tế, nắm bắt khoa học - công nghệ hiện đại và năng động, sáng tạo trong hoạt động khoa học. Đương nhiên họ phải phấn đấu vươn lên về nhiều mặt, cả về đạo đức, bản lĩnh để tự khẳng định mình. Một thực tế đang diễn ra về sự di động trong và giữa các thế hệ hiện nay là di động của con cái *ra khỏi nông nghiệp và ngư nghiệp*. Đồng thời những người làm khoa học và công nghệ hiện nay không muốn con cái mình theo nghề mình đang làm và tiếp tục xu hướng thoát ly nông nghiệp và ngư nghiệp. Nét nổi bật của di động ra và vào tỉnh của cộng đồng khoa học và công nghệ là di động *ra khỏi tỉnh nhiều hơn rất nhiều so với vào tỉnh, xu hướng này có khả năng ngày càng tăng*. Hơn nữa, nhiều sinh viên sau khi được đào tạo đã không trở về hoặc không có cơ hội trở về Quảng Ngãi mà di động đến các thành phố khác. Hiện nay, di động cơ cấu diễn ra tương đối rõ nét do tác động của nhiều chính sách kinh tế, đặc biệt là sự hình thành khu công nghiệp Dung Quất. Bên cạnh đó nhiều ngành nghề mới sẽ được hình thành cũng thúc đẩy, tạo ra di động cơ cấu.

*Hai động thái di động* được cộng đồng khoa học và công nghệ tỉnh quan tâm đó là: 1. *di động theo chiều dọc chậm cùng với sự thăng tiến địa vị ít*, và 2. *di động ra khỏi tỉnh tương đối nhiều, trong khi đó di động vào tỉnh ít*. Hệ nguyên nhân ảnh hưởng đến sự di động này có nhiều, song kết quả nghiên cứu cho thấy có hai nguyên nhân cơ bản đó là: 1. do chính sách đãi ngộ, sử dụng, đề bạt cán bộ chưa thích hợp; chưa quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần cho cộng đồng khoa học và công nghệ; 2. do hoàn cảnh kinh tế-xã hội, cơ sở vật chất kỹ thuật còn thấp kém, chưa có điều kiện phát triển khoa học và công nghệ. Hai nguyên nhân này quy định chặt chẽ hai động thái di động nêu trên của cộng đồng khoa học và công nghệ. Theo kết quả điều tra, khi đề cập vấn đề làm thế nào để hạn chế di động xã hội ra khỏi địa bàn của tỉnh, có 55,07% cho rằng cần phải cải thiện chính sách đãi ngộ; 37,02% cho rằng cần phải tăng cường đầu tư nhiều hơn cho nghiên cứu khoa học và công nghệ. Đó là hai chỉ báo có tỷ lệ trả lời cao nhất. Chính sách đãi ngộ, sử dụng, đề bạt cán bộ của tỉnh hiện nay có ảnh hưởng sâu sắc đến chất lượng, hiệu quả của đội ngũ khoa học và công nghệ tỉnh. Khi đặt vấn đề cần phải làm gì để đội ngũ những người làm khoa học và công nghệ nâng cao năng lực nghiên cứu, đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế-xã hội, có tới 69,02% cho rằng việc làm đầu tiên là cải thiện chính sách đãi ngộ đội ngũ khoa học và công nghệ, 52,34% cho rằng phải tăng cường đầu tư các chương trình, đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ. Trong khuyến nghị của cộng đồng khoa học và công nghệ đối với tỉnh, hai khuyến nghị cải thiện chính sách đãi ngộ và tạo điều kiện nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ chiếm tỷ lệ cao nhất (65% số người được hỏi), trong đó những người làm khoa học và công nghệ ở độ tuổi từ 45 tuổi trở lên chiếm hơn 70%.

Từ thực trạng di động xã hội của cộng đồng khoa học và công nghệ, đặc biệt là di động ra-vào tỉnh như đã nêu trên, buộc chúng ta *không nhất thiết duy trì một quan điểm cứng nhắc đó là "chất xám của tỉnh", mà phải hình thành một tư duy mới đó là "chất xám cho tỉnh"*. Cán bộ khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi, đi đâu, ở đâu không phải là điều quan trọng nhất mà vấn đề là ở chỗ họ *đóng góp được gì* cho sự phát triển của tỉnh về khoa học và công nghệ nói riêng, kinh tế-xã hội nói chung. Thực tế cho thấy rằng ở đâu những người làm khoa học và công nghệ cũng có thể đóng góp chất xám cho tỉnh, vấn đề là thu hút chất xám đó như thế nào? Khi có một chính sách đãi ngộ, sử dụng, đề bạt cán bộ phù hợp và khi đã



hoàn thiện được thiết chế quản lý khoa học và công nghệ của tỉnh thì không những có thể hạn chế được sự di động khỏi tỉnh mà còn thu hút được sự đóng góp của những người làm khoa học và công nghệ đã di động khỏi địa phương và những người làm khoa học và công nghệ ở nhiều nơi đóng góp công sức, trí tuệ cho sự phát triển của tỉnh. Hơn nữa, tư duy "*chất xám cho tỉnh*" phù hợp với xu thế chung là hòa nhập và liên kết trong khoa học công nghệ; không phân biệt đó là người tỉnh nào (thậm chí là người nước ngoài). Để ai muốn đóng góp trí tuệ cho tỉnh thì chúng ta cần trọng dụng, tạo mọi điều kiện cho sự thăng tiến xã hội trong hoạt động khoa học và công nghệ của họ. Quan điểm này cần được vận dụng trong thực tiễn, chỉ đạo để có được hiệu quả thực sự trong điều kiện mới.

Thiết nghĩ, một chính sách như vậy chỉ thực sự có tác dụng khi nó được áp dụng trước hết đối với các cán bộ khoa học và công nghệ nhiệt tình, tâm huyết đang làm việc tại Quảng Ngãi. Cũng thông qua lực lượng này có thể xây dựng *cầu nối thu hút* chất xám bốn phương về với Quảng Ngãi.

Chúng ta biết rằng, năng lực nội sinh là khả năng tổ chức bên trong của cộng đồng, khiến nó có thể huy động mọi nội lực tổng hợp. Trong khoa học và công nghệ cần phải đề ra mục tiêu hợp lý, khả thi; có chính sách, chiến lược huy động các nguồn lực để phát huy năng lực nội sinh của cộng đồng khoa học và công nghệ.

Vấn đề quan trọng là phải xây dựng và phát triển mạnh các tổ chức khoa học-công nghệ, các cơ quan nghiên cứu triển khai, xác lập hệ thống khoa học-công nghệ từ tỉnh đến cơ sở. Đẩy mạnh việc quản lý khoa học và công nghệ.

Chúng ta cần phát huy truyền thống, tính năng động, sáng tạo của con người Quảng Ngãi, đồng thời đẩy mạnh hợp tác với các cơ quan khoa học Trung ương, các chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ, đẩy mạnh đào tạo cán bộ có trình độ khoa học-công nghệ cao trong các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh và biết đón đầu những công nghệ mới để có những bước phát triển mới, hòa nhập được với sự cạnh tranh của thị trường trong nước và quốc tế.